

Số: **2063/QĐ-UBND**

Trà Vinh, ngày **21** tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động của cơ quan nhà nước
tại tỉnh Trà Vinh năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại tỉnh Trà Vinh năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

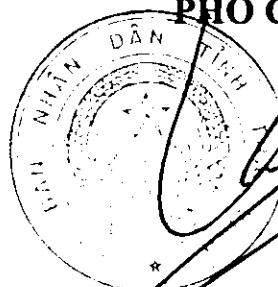
Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Phòng: HCQT, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 03

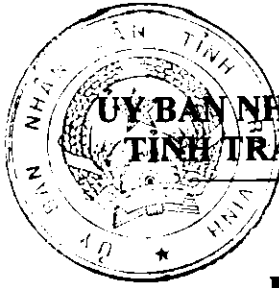
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của
cơ quan nhà nước tại tỉnh Trà Vinh năm 2020**
(Kèm theo Quyết định số **2063/QĐ-UBND**
ngày **21/4/2020** của UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2019:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Tổ chức công bố, công khai thông tin về thủ tục hành chính, tình hình tiếp nhận, xử lý trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với 1.947 thủ tục hành chính của tỉnh trên Cổng dịch vụ công (<http://dichvucong.travinh.gov.vn>); đồng thời liên kết công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh (<http://travinh.gov.vn>), mạng xã hội Zalo; chuẩn hóa công bố, công khai thông tin 1.022 thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Ứng dụng một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- 100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp được triển khai phần mềm một cửa điện tử (phân hệ của Cổng dịch vụ công của tỉnh hoặc ứng dụng ngành dọc từ trung ương) phục vụ tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với 1.947 thủ tục hành chính của tỉnh.

- Cung cấp 1.947 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, trong đó: 498 dịch vụ công trực tuyến mức 3 (chiếm tỷ lệ 25,5%); 390 dịch vụ công mức 4 (chiếm tỷ lệ 20,03%); tích hợp cung cấp 476 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Trong năm 2019, các dịch vụ trực tuyến mức độ 3 tiếp nhận 65.451 hồ sơ, trong đó 65.364 hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tiếp, 87 nộp trực tuyến (chiếm tỷ lệ 0,13%); các dịch vụ trực tuyến mức độ 4 tiếp nhận 12.219 hồ sơ, trong đó 10.114 được nộp bằng hình thức trực tiếp, 2.105 trực tuyến (chiếm tỷ lệ 17,23%).

3. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ:

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (iOffice): Triển khai sử dụng tại 487 cơ quan (tính theo cấp văn thư), trong đó 96 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 308 cơ quan, đơn vị cấp huyện; 106 Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng số người sử dụng hệ thống là 6.448. Hệ thống đáp ứng yêu cầu theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ

thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức. Tổng văn bản đi trong năm 2019: 88.263 văn bản, trong đó ký số 53.577 văn bản (tỷ lệ 60,7%).

- Hệ thống ISO điện tử: Được triển khai sử dụng tại các 18 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 09 Ủy ban nhân dân cấp huyện (gồm các cơ quan chuyên môn trực thuộc), 106 Ủy ban nhân dân cấp xã phục vụ công tác quản lý, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Hệ thống thư điện tử công vụ: Thiết lập mới 551 tài khoản, nâng tổng số người sử dụng hệ thống là 6.890 người.

- Chứng thư số chuyên dùng: Cấp mới 992 chứng thư số gồm 16 chứng thư số tổ chức và 976 chứng thư số cá nhân, nâng tổng số 1.445 chứng thư số (458 tổ chức, 987 chứng thư số cá nhân) phục vụ ký số văn bản điện tử, ký số hồ sơ giao dịch với các cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh và Kho bạc Nhà nước tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin các ngành, lĩnh vực:

- + Lĩnh vực giáo dục: Xây dựng cơ sở dữ liệu về học sinh, giáo viên trên địa bàn tỉnh; Cổng thông tin điện tử giáo dục tích hợp các hệ thống thông tin quản lý giáo dục như: Hệ thống quản lý hồ sơ, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; hệ thống quản lý giáo viên; hệ thống quản lý trang thiết bị; hệ thống quản lý thư viện điện tử; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống quản lý thi, tuyển sinh các cấp và các trang thông tin tin thành phần của các phòng giáo dục, trang chuyên đề cung cấp thông tin.

- + Lĩnh vực y tế: Triển khai các hệ thống báo cáo thống kê y tế; quản lý bệnh viện (HIS); quản lý hồ sơ sức khỏe; quản lý y tế cơ sở thí điểm tại huyện Châu Thành và huyện Tiểu Cần. Hoàn thành kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc đối với cơ quan quản lý, các cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế.

- + Lĩnh vực tài chính: Triển khai hệ thống quản lý chế độ chính sách; tiếp tục triển khai hệ thống quản lý dự án đầu tư, phần mềm quản lý vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được xây dựng dựa theo quy trình quản lý dự án đầu tư; quyết toán dự án theo tiến độ (niên độ ngân sách); quyết toán dự án hoàn thành sử dụng các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc nguồn vốn có tính chất xây dựng cơ bản trên phạm vi toàn tỉnh.

- + Lĩnh vực an ninh trật tự: Xây dựng hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, phát hiện xử lý đối tượng vi phạm trên địa bàn thị xã Duyên Hải, huyện Tiểu Cần; mở rộng hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

- + Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Triển khai các hệ thống thông tin đất đai -VLIS; quản lý và cung cấp metadata dữ liệu không gian ngành tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý và cung cấp thông tin về dữ liệu tài

nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; mạng quan trắc tự động sensor web phục vụ giám sát chỉ số môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu phục vụ công tác quan trắc môi trường nước ngập mặn và một phần nhu cầu ứng phó biến đổi khí hậu. Các phần mềm quản lý kho hồ sơ địa chính; MicroStation - Môi trường đồ họa làm nền để chạy các phần mềm ứng dụng trong bộ phần mềm MAPPING OFFICE; FAMIS - Phần mềm tích hợp cho đo vẽ và bản đồ địa chính; MapInfo, ArcGis (xây dựng các bản đồ đất, bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng,...), website chuyên đề cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường tỉnh Trà Vinh (Web GIS); hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã; Hệ thống tích hợp phục vụ cải cách hành chính ngành tài nguyên và môi trường.

+ Lĩnh vực nông nghiệp: Triển khai sử dụng hệ thống báo cáo thống kê trực tuyến ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; phần mềm dự tính dự báo PPDMS (sâu bệnh trên cây trồng); VNFISHBASE (cơ sở dữ liệu ngành thủy sản); bản đồ số hóa hệ thống thủy lợi; đang triển khai thí điểm ứng dụng truy xuất nguồn gốc và sàn thương mại điện tử nông sản trên địa bàn tỉnh.

4. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Theo Phụ lục 04 đính kèm.

5. Về hạ tầng kỹ thuật:

- 100% cán bộ, công chức được trang bị thiết bị máy vi tính.

- 150 cơ quan (16 cơ quan Đảng, 134 cơ quan nhà nước các cấp) triển khai kết nối sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước, hình thành mạng dùng riêng phục vụ triển khai và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

- Hệ thống máy chủ (vận hành theo mô hình tập trung) tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh gồm: Các hệ thống thông tin của Tỉnh ủy (Cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy; quản lý văn bản và điều hành của Tỉnh ủy); các hệ thống thông tin của Ủy ban nhân dân tỉnh (Cổng thông tin điện tử (gồm 01 cổng chính và 40 cổng thành phần); Cổng dịch vụ công của tỉnh; hệ thống ISO điện tử; thư điện tử công vụ; hệ thống hội nghị truyền hình; hệ thống trực liên thông; hệ thống xác thực tập trung). Các cơ sở dữ liệu gồm: Cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể; hộ kinh doanh, hợp tác xã.

- Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh,... vận hành hệ thống máy chủ riêng để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành.

6. Nguồn nhân lực: Hiện nay, có 96 cán bộ phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin (sở, ban, ngành tỉnh là 85, Ủy ban nhân dân cấp huyện là 11), trong đó: Trình độ thạc sĩ 08 người, đại học 50 người, cao đẳng 18 người, trung cấp 09 người, khác 11 người. Trong năm, có 60 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin; 50 lượt tham gia các

lớp tập huấn và diễn tập về công tác đảm bảo an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức; 70 lượt quản trị hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice), Cổng dịch vụ công (iGate), hệ thống ISO điện tử; trên 7.600 lượt cán bộ, công chức, viên chức sử dụng iOffice, iGate; sử dụng chứng thư số chuyên dùng; nâng cao nhận thức về an toàn thông tin.

7. Môi trường pháp lý: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh như: Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 10/5/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 ban hành Quy chế hoạt động và cung cấp thông tin của Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng và cập nhật cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 ban hành quy chế quản lý vận hành và khai thác Trung tâm dữ liệu tỉnh Trà Vinh.

8. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019, giai đoạn 2016 - 2020:

a) Kết quả thực hiện năm 2019:

- Nhóm mục tiêu về Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: Thực hiện đạt 4/4 mục tiêu gồm: Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật vận hành các hệ thống thông tin trong khung kiến trúc Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn thông tin; 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công tác; 100% cơ quan Đảng, Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Nhóm mục tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước: Thực hiện đạt 3/5 mục tiêu gồm: 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể được trang bị và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; 100% cán bộ, công chức, viên chức được thiết lập tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; trên 90% cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước được thiết lập tài khoản thư điện tử công vụ. Bên cạnh đó, còn 02 mục tiêu thực hiện chưa đạt gồm:

+ Mục tiêu “trên 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước các cấp dưới dạng điện tử”: Còn nhiều cơ quan, địa phương đặc biệt là phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ yếu sử dụng iOffice để nhận văn bản đến, số lượng văn bản đi phát hành qua phần mềm còn rất ít.

+ Mục tiêu “50% số lượng cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện bằng hình thức trực tuyến”: Số lượng cuộc họp tổ chức bằng hình thức trực tuyến rất ít.

- Nhóm chỉ tiêu Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp: Thực hiện đạt 1/3 mục tiêu là “Cổng, trang thông tin điện tử

đảm bảo hoạt động ổn định, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; Bên cạnh đó, còn 02 mục tiêu chưa đạt gồm:

+ Mục tiêu “100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có thủ tục hành chính được xử lý thông qua phần mềm một cửa điện tử” chưa đạt do còn nhiều cơ quan, địa phương chưa triển khai sử dụng phần mềm để tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết hồ sơ hành chính, đặc biệt là Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Mục tiêu “100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trong đó: 100% hồ sơ, thủ tục hành chính trực tuyến đạt mức độ 2; phần đầu 30% hồ sơ, thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3, 4” chưa đạt do chỉ mới cung cấp 498 dịch vụ trực tuyến mức 3 (chiếm tỉ lệ 25,5%); 390 dịch vụ mức 4 (chiếm tỉ lệ 20,03%). Tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 2,82% chưa đạt 30%.

- Nhóm chỉ tiêu về nguồn nhân lực công nghệ thông tin: Đạt 2/2 chỉ tiêu gồm: Chỉ tiêu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn an ninh thông tin, quản trị, vận hành các hệ thống, phần mềm ứng dụng đã được triển khai và chỉ tiêu tập huấn, diễn tập an toàn thông tin theo Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhóm chỉ tiêu về Đảm bảo an toàn thông tin: Thực hiện đạt 1/1 mục tiêu “100% sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ban hành và áp dụng tốt quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ cơ quan, địa phương”.

b) Kết quả thực hiện mục tiêu nhiệm vụ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020: Cơ bản hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ theo lộ trình đề ra của kế hoạch; các chỉ tiêu chưa đạt của giai đoạn 2016 - 2020 tương tự như các chỉ tiêu chưa đạt của năm 2019.

9. Đánh giá đầu tư cho xây dựng Chính quyền điện tử: Đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, danh mục nhiệm vụ dự án hoàn thành theo Phụ lục 01 đính kèm.

10. Những vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân:

a) Những vướng mắc, tồn tại:

- Về ứng dụng một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Nhiều cơ quan, địa phương nhất là Ủy ban nhân dân cấp xã chưa tổ chức tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng; số lượng

hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến còn hạn chế.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ: Còn nhiều cơ quan, địa phương đặt biệt là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa thực hiện tốt việc sử dụng phần mềm iOffice phục vụ công tác quản lý, điều hành trong nội bộ của cơ quan, ký số và phát hành văn bản điện tử, lập hồ sơ điện tử,... theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn thông tin: Còn nhiều cơ quan, địa phương, đặc biệt là Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa triển khai kết nối máy tính từ các cơ quan chuyên môn vào thiết bị bảo mật LAN của cơ quan, địa phương.

b) Nguyên nhân:

- Công tác chỉ đạo triển khai, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc ứng dụng công nghệ thông tin tại một số cơ quan, địa phương chưa quyết liệt; một số cán bộ lãnh đạo cơ quan, địa phương chưa tham gia vào quy trình xử lý công việc theo yêu cầu nghiệp vụ trên các phần mềm đã được đầu tư nên việc vận hành phần mềm tại cơ quan chưa thông suốt, hiệu quả sử dụng chưa cao.

- Công tác tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả; yêu cầu thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính chưa đảm bảo thuận tiện để người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến; điều kiện để người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn chưa đảm bảo và do thói quen nên người dân chủ yếu trực tiếp mang hồ sơ đến nộp tại bộ phận một cửa dẫn đến việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa đạt yêu cầu.

- Chưa có quy định cụ thể việc lưu trữ điện tử, quy định việc chấp nhận hồ sơ điện tử trong các giao dịch hành chính nên các giao dịch bằng hồ sơ, văn bản điện tử vẫn phải kèm hồ sơ, văn bản giấy.

II. KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2020:

1. Căn cứ lập kế hoạch:

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ đã được ban hành theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011;

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê

duyet chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018 - 2019;

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công dịch vụ công quốc gia;

- Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh phiên bản 1.0;

- Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

- Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2016 - 2021”.

- Công văn số 2055/BTTTT-THH ngày 27/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng

công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2020;

- Công văn số 4213/BTTTT-THH ngày 26/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc rà soát, bổ sung chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử và ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2020.

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử của tỉnh; đảm bảo an toàn thông tin phục vụ tốt cho việc triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu theo kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin, giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết nối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Đảm bảo điều kiện tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia; tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng giữa các cơ quan trên cơ sở kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh;

- Ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp chặt chẽ với cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, công dân và ứng dụng công nghệ thông tin thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hạ tầng kỹ thuật

+ Tiếp tục duy trì, nâng cao năng lực hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại cơ quan nhà nước các cấp đủ năng lực vận hành các phần mềm trong khung kiến trúc Chính quyền điện tử, an toàn thông tin.

+ Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông nhằm đảm bảo vận hành thông suốt các hệ thống iOffice, thư điện tử, dịch vụ công,...

+ Duy trì đảm bảo 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ công tác; 100% máy tính tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể các cấp (đủ điều kiện kết nối trừ các máy tính phải kết nối mạng chuyên dùng của Bộ, ngành trung ương) được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

+ Đảm bảo 100% lãnh đạo có thẩm quyền về quản lý và sử dụng con dấu, của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc được cấp chứng thư số cá nhân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước:

+ 100% các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đồng bộ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành thực hiện quản lý điều hành công việc nội bộ và phát hành văn bản điện tử có ký số theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; đồng thời, đảm bảo 80% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp đồng bộ áp dụng hệ thống ISO điện tử phục vụ công tác áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính; công tác kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh được thực hiện qua phần mềm ISO điện tử.

+ Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua áp dụng các hệ thống: Hệ thống thông tin phục vụ họp; hệ thống hội nghị trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; thư điện tử công vụ,...

+ Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ 100% cơ quan hành chính nhà nước các cấp đồng bộ tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết hồ sơ hành chính đối với tất cả các thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh hoặc hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành.

+ 100% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 2, trong đó: Đối với các thủ tục hành chính mà đối tượng cung cấp là cơ quan, tổ chức đảm bảo cung cấp trực tuyến mức độ 3 tối thiểu 70% thủ tục và mức độ 4 tối thiểu 30% thủ tục; các thủ tục hành chính còn lại: Đảm bảo cung cấp trực tuyến mức độ 3 tối thiểu 40% thủ tục hành chính cấp tỉnh, 30% thủ tục hành chính cấp huyện, 20% thủ tục hành chính cấp xã. 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thực hiện trên Cổng dịch vụ công đạt từ 20% trở lên.

+ 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương;

+ Cổng thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần đảm bảo hoạt động ổn định, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật Công nghệ thông tin, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin:

+ 100% cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn an ninh thông tin, quản trị, vận hành các hệ thống, phần mềm ứng dụng đã được triển khai.

+ Tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Đảm bảo an toàn thông tin:

+ 100% cơ quan hành chính Nhà nước được triển khai giải pháp an toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

+ 100% hệ thống thông tin cấp tỉnh được phê duyệt cấp độ và tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

3. Nội dung kế hoạch: Theo Phụ lục 02 đính kèm.

4. Giải pháp:

a) Về môi trường chính sách:

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử 2.0; cụ thể hóa, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành đẩy mạnh triển khai Chính quyền điện tử tại địa phương.

- Rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định về sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, quy định về an toàn an ninh thông tin, các cơ chế chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp trên môi trường mạng.

b) Về tài chính:

- Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau: Đầu tư, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học công nghệ,... để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, nguồn kinh phí đảm bảo cho việc ứng dụng và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị phù hợp với yêu cầu triển khai nhiệm vụ hàng năm, trong đó ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

c) Gắn kết ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính:

- Gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, trong đó tập trung đẩy mạnh hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến nền hành chính công khai, minh bạch, tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; rà soát, bổ sung nội dung ứng dụng công nghệ thông tin vào tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh đảm bảo phù hợp theo lộ trình và định hướng của Chính phủ.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ứng dụng công nghệ

thông tin phục vụ hiện đại hóa hành chính, thúc đẩy gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin với công tác cải cách hành chính của các cơ quan Nhà nước.

- Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

d) Giải pháp tổ chức, triển khai:

- Phát huy vai trò người đứng đầu các cơ quan, đơn vị địa phương và thành viên Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, Bộ phận chuyên trách đảm bảo an toàn thông tin tỉnh trong phương hướng chỉ đạo, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát công tác thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý hoặc phụ trách.

- Đảm bảo cơ quan, đơn vị, địa phương phải có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin làm nòng cốt tham mưu, hỗ trợ việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phải thống nhất, đồng bộ; quan tâm nâng cao chất lượng phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, doanh nghiệp và công dân về lợi ích, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; có cơ chế nhằm khuyến khích, hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

5. Danh mục nhiệm vụ, dự án: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

6. Tổ chức thực hiện

a) Ban Chỉ đạo Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh:

- Phát huy vai trò các thành viên của Ban Chỉ đạo Xây dựng chính quyền điện tử các cấp trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình công tác hoặc phụ trách.

- Đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch; kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, kết nối cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì phối hợp với cơ quan có liên quan hoàn thiện chức năng các hệ thống thông tin theo yêu cầu nghiệp vụ; đảm bảo các hệ thống thông tin vận

hành liên tục, thông suốt, an toàn thông tin.

- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc xây dựng Chính quyền điện tử.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp trong việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng quý báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chủ trì tham mưu danh mục các cuộc họp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân các cấp bằng hình thức trực tuyến; danh mục hồ sơ, văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng hình thức văn bản điện tử được ký số; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, trả kết giải quyết hồ sơ hành chính qua Cổng dịch vụ công (hoặc phần mềm một cửa điện tử của ngành), tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến đảm bảo theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan giải pháp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác hội họp, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua mạng.

d) Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện cải cách hành chính gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin và Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 qua phần mềm ISO điện tử.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ quan nhà nước các cấp áp dụng đồng bộ phần mềm ISO điện tử phục vụ công tác áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh qua phần mềm ISO điện tử.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch.

g) Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Căn cứ theo chức năng, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương và các nhiệm vụ, dự án được giao theo Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện đảm

bảo chất lượng, tiến độ; định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý) báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức khai thác có hiệu quả chức năng các hệ thống thông tin đã được đầu tư; chủ động đẩy mạnh triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền, đồng thời tuân thủ quy định về chia sẻ dữ liệu ngành, lĩnh vực.

- Chủ động triển khai các biện pháp tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp biết, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị, địa phương./.



Phụ lục 01

Nhiệm vụ/dự án hoàn thành năm 2019

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kinh phí đã giải ngân	Nguồn vốn (NSDP, NSTW, ODA,...)
1	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 1)	Sở TT&TT	Công nghệ thông tin	- Tăng cường năng lực hệ thống máy chủ tập trung phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành tập trung của tỉnh. - Tạo nền tảng xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh đáp ứng được yêu cầu về khung kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh có sự tương tác với khung kiến trúc chính phủ điện tử quốc gia.	Thiết bị phần cứng, phần mềm;	Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	47.803	33.223	NSDP, NSTW
2	Dự án Hệ thống chính quyền điện tử nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh	Sở TT&TT	Công nghệ thông tin	Đồng bộ hóa quy trình dịch vụ công theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình cải cách hành chính. Tăng cường hiệu quả trong cải cách hành chính, tạo môi trường giao tiếp công khai, minh bạch, dân chủ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, hình thành cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.	Thiết bị phần cứng, xây dựng phần mềm	Tại Trung tâm Công nghệ thông tin, truyền thông; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh	14.969	12.472	
3	Dự án Thiết lập, nâng cấp, mở rộng mạng diện rộng (WAN), nâng cấp mở rộng mạng cục bộ (LAN) các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Công nghệ thông tin	Từng bước triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin giúp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp. Góp phần đảm bảo an toàn thông tin, thúc đẩy xây dựng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong mô hình thành phần chính quyền điện tử của tỉnh	Thiết bị tường lửa tại cấp sở, UBND cấp huyện, xã	18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện,	12.984	10.697	NSDP

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kinh phí đã giải ngân	Nguồn vốn (NSDP, NSTW, ODA,...)
						thị xã, thành phố, UBND các xã phường, thị trấn trong tỉnh			



PHỤ LỤC 02

Phân công nhiệm vụ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2020

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ			
1	Dự thảo quy chế, quy định về quản lý và sử dụng các hệ thống thông tin đã được đầu tư gồm: Hệ thống Công dịch vụ công của tỉnh; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; ISO điện tử; hệ thống hội nghị trực tuyến; hệ thống mạng dùng riêng; hệ thống trực liên thông; tích hợp, chia sẻ dữ liệu.	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Quý II/2020
2	Xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử 2.0	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Quý II/2020
II	ỨNG DỤNG công nghệ thông tin TRONG NỘI BỘ			
1	Ứng dụng Quản lý văn bản và điều hành (iOffice)			
a)	Rà soát đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập mới tài khoản đăng nhập hệ thống iOffice cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong quy trình xử lý công việc nội bộ của cơ quan, địa phương; khóa các tài khoản đăng nhập khi không còn sử dụng; thay đổi thông tin đăng nhập khi có thay đổi liên quan đến chức vụ, cơ quan công tác.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở TT&TT	Thường xuyên
b)	Đồng bộ sử dụng phần mềm iOffice phục vụ công tác quản lý, điều hành xử lý công việc trong nội bộ cơ quan, địa phương, ký số và phát hành văn bản điện tử có ký số,... đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Nội vụ, Sở TT&TT	Thực hiện thường xuyên
2	Ứng dụng hệ thống ISO điện tử			
a)	Tổ chức áp dụng phần mềm ISO điện tử phục vụ công tác xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 tại cơ quan, địa phương.	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Sở KH&CN, Sở TT&TT	Thực hiện thường xuyên.
b)	Tổ chức thực hiện kiểm tra việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp bằng phần mềm ISO điện tử.	Sở KH&CN	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Thường xuyên.
3	Ứng dụng họp trực tuyến, họp không giấy tờ			
a)	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các cuộc họp bằng hình thức trực tuyến đảm bảo chỉ tiêu “50% số lượng cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện bằng hình thức trực tuyến”	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh.	Thường xuyên
b)	Tham mưu giải pháp họp trực tuyến đến UBND cấp xã theo ý kiến chỉ đạo	Sở TT&TT	Văn phòng Tỉnh ủy,	Quý II/2020

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	của Thường trực Tỉnh ủy theo Thông báo số 2034-TB-VPTU ngày 22/7/2018 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy và Thông báo số 2053-TB/VPTU ngày 06/8/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy (mở rộng), sơ kết chương trình công tác tháng 7, triển khai chương trình công tác tháng 8/2019.		Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện	
c)	Tham mưu giải pháp triển khai hợp không giấy trên địa bàn tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy, Sở TT&TT, UBND cấp huyện	Quý II/2020
4	Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phối hợp triển khai và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia			
a)	Xây dựng và phát triển hệ thống tổng hợp thông tin phục vụ giám sát, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Thực hiện thường xuyên.
b)	Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành tập trung, tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc chính quyền điện tử, Khung tham chiếu ICT đô thị thông minh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Thực hiện thường xuyên
c)	Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực và tổ chức thực hiện tốt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu ngành, lĩnh vực với các hệ thống thông tin theo Kiến trúc chính quyền điện tử, Khung tham chiếu ICT đô thị thông minh.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thực hiện thường xuyên
d)	Phối hợp triển khai và tổ chức khai thác có hiệu quả các hệ thống thông tin có phạm vi và quy mô triển khai từ trung ương đến địa phương; các cơ sở dữ liệu cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Bộ ngành có liên quan.	Thực hiện thường xuyên
III	ỨNG DỤNG CNTT PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP			
1	Công, trang thông tin điện tử			
a)	Rà soát cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin mới thuộc trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan, địa phương lên Cổng thông tin điện tử và các cổng thông tin điện tử thành phần theo quy định tại Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 ban hành Quy chế hoạt động và cung cấp thông tin của Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở TT&TT	Thực hiện thường xuyên
b)	Xây dựng trang thông tin điện tử của UBND cấp xã đảm bảo đáp ứng bộ tiêu chí mức độ chính quyền điện tử cấp xã theo Quyết định số 2392 ngày 25/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện	UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Hoàn thành trong năm 2020
c)	Xây dựng và duy trì Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng đầy đủ về nội dung, kỹ thuật, chuẩn cấu trúc dữ liệu theo đúng quy định tại Khoản 2 Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Tư pháp	Sở TT&TT, cơ quan có liên quan	Năm 2020 và các năm tiếp theo

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến			
a)	Rà soát đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập tài khoản đăng nhập hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh (iGate) cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong quy trình tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương; khóa các tài khoản đăng nhập khi không còn sử dụng; thay đổi thông tin đăng nhập khi có thay đổi liên quan đến chức vụ, cơ quan công tác.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở TT&TT	Thường xuyên
b)	Rà soát, kịp thời tham mưu ban hành Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của cơ quan, địa phương; xây dựng quy trình điện tử phù hợp với quy trình nội bộ và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật lên Cổng dịch vụ công của tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
c)	Tham mưu ban hành quy trình giải quyết các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan có liên quan; xây dựng quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính liên thông tương ứng và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở TT&TT, cơ quan có liên quan đến thủ tục hành chính liên thông	
d)	Đồng bộ sử dụng phần mềm iGate (hoặc hệ thống một cửa điện tử của ngành) để tiếp nhận, chuyển xử lý, trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đối với tất cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương theo quy định tại Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện thường xuyên
e)	Xây dựng kế hoạch tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương đảm bảo đạt các chỉ tiêu: - 100% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 2, trong đó: Đối với các thủ tục hành chính mà đối tượng cung cấp là cơ quan, tổ chức đảm bảo cung cấp trực tuyến mức độ 3 tối thiểu 70% thủ tục và mức độ 4 tối thiểu 30% thủ tục; các thủ tục hành chính còn lại: Đảm bảo cung cấp trực tuyến mức độ 3 tối thiểu 40% thủ tục hành chính cấp tỉnh, 30% thủ tục hành chính cấp huyện, 20% thủ tục hành chính cấp xã. - 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp. - 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. - Tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia. - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện thường xuyên

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	Tổ chức thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 21/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP; Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia đảm bảo 100% hệ thống thông tin cấp tỉnh được phê duyệt cấp độ và tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở TT&TT	Thường xuyên



PHỤ LỤC 03

Danh mục các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin triển khai năm 2020

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2020 (triệu đồng)
1.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan thuộc Sở Y tế Trà Vinh	Sở Y tế	Công nghệ thông tin	Dự án chuyển tiếp	Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Trà Vinh	Đầu tư mới phần mềm và thiết bị	Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	2019 - 2021	11.400	Ngân sách tỉnh	11.400
2.	Thực hiện thí điểm ứng dụng quản lý chăn nuôi, trồng trọt, chế biến và truy xuất nguồn gốc, sản thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh từ năm 2020 đến năm 2021	Sở NN&PTNT	Công nghệ thông tin	Dự án mới	Nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, quản lý được hàng hoá không bị làm giả, làm nhái, mạo danh thương hiệu và không bị chia sẻ thị phần với hàng giả hàng nhái, giữ vững thương hiệu, nâng cao giá trị sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ	Xây dựng phần mềm	Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	2020 - 2021	3.838	Vốn Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Smart Life Và Ngân sách tỉnh	
3.	Kế hoạch Điều tra, thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2020	Sở TN&MT	Công nghệ thông tin	Chuyển tiếp năm 2019	- Đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển về quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, đào tạo, hợp tác quốc			2019 - 2020	497	Sự nghiệp Sở TN&MT	497

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2020 (triệu đồng)
					tế, các nhu cầu khác của xã hội và phát triển Chính phủ điện tử tại ngành tài nguyên và môi trường. - Thiết lập và phát triển hệ thống thu thập, lưu trữ, cập nhật, xử lý, tích hợp, đồng bộ dữ liệu và chia sẻ, phân phối thông tin trực tuyến qua hệ thống mạng thông tin ngành tài nguyên và môi trường, đảm bảo an toàn cho toàn bộ hệ thống được thống nhất và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. - Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật đồng bộ về thông tin dữ liệu thực hiện chủ trương kinh tế hóa ngành tài nguyên và môi trường, nâng cao giá trị đóng góp và vị thế của ngành trong nền kinh tế quốc dân vì sự phát triển bền vững						

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2020 (triệu đồng)
					của đất nước.						
4.	Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh (giai đoạn I)	Sở TN&MT	Công nghệ thông tin	Dự án mới	Hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng quản lý, công bố chia sẻ, đầu tư trang thiết bị, phần cứng, phần mềm, thu thập, thu nhận, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm các dữ liệu quan trắc lịch sử và các dữ liệu điều tra cơ bản có liên quan khác.			2020	2.812	Sự nghiệp TN&MT	1.325
5.	Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh giao và Sao lưu phục hồi dữ liệu tập trung của tỉnh	Sở TT&TT	Công nghệ thông tin	Chuyển tiếp	Tự động hóa công tác sao lưu và phục hồi dữ liệu các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông đảm bảo hệ thống cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, thông suốt, tránh thất thoát dữ liệu. Tin học hóa công tác chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo	Thiết lập hệ thống quản lý thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; Hệ thống sao lưu, phục hồi dữ liệu tập trung; Bản quyền phần mềm sao lưu và phục hồi cho 15 máy chủ Application và	Các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh; Trung tâm công nghệ thông tin - Sở TT&TT	2019 - 2020	5.500	NS tỉnh (đầu tư)	5.000

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2020 (triệu đồng)
					UBND tỉnh, UBND tỉnh đến cấp cơ sở. Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước các cấp	30 máy ảo; dịch vụ triển khai phần mềm					
6.	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình đáp ứng yêu cầu tổ chức các cuộc họp trực tuyến đến cấp xã	UBND cấp xã	Công nghệ thông tin	Mới	Phục vụ triển khai họp trực tuyến từ tỉnh đến cấp xã, Góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử	Thuê dịch vụ Hệ thống hội nghị trực tuyến đáp ứng yêu cầu tổ chức hội nghị trực tuyến đồng thời tối thiểu giữa 120 phòng họp trực tuyến trên địa bàn tỉnh	UBND cấp xã	2020-2024	19.588,8	NS tỉnh (sự nghiệp)	
7.	Thuê Phần mềm họp không giấy (eCabinet)	Văn phòng UBND tỉnh	Công nghệ thông tin	Mới	Trang bị hệ thống phục vụ họp nhằm giảm bớt tối đa việc sử dụng giấy tờ trong các cuộc họp	Thuê hệ thống eCabinet đáp ứng yêu cầu tổ chức 01 phòng họp không giấy có quy mô 30 đại biểu dự họp (có thể mở rộng lên 50 đại biểu)	Văn phòng UBND tỉnh	2020	795	NS tỉnh (sự nghiệp)	
8.	Thuê Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Các sở, ban, ngành tỉnh,	Công nghệ thông tin	Mới	Duy trì hệ thống mạng dùng riêng khép kín từ tỉnh đến	Thuê dịch vụ mạng truyền số liệu chuyên	Các sở, ban, ngành	2020	3.856,03	NS tỉnh (sự nghiệp)	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2020 (triệu đồng)
		UBND các cấp	tin		xã phục vụ triển khai hệ thống hợp trực tuyến và sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	dùng nhằm đảm bảo duy trì hệ thống mạng dùng riêng khép kín kết nối cơ quan đảng, nhà nước phục vụ triển khai và sử dụng các hệ thống thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng	tỉnh, UBND các cấp				
9.	Chuyển đổi sử dụng IPV6 cho các hệ thống thông tin có tên miền travinh.gov.vn	Sở TT&TT	Công nghệ thông tin	Mới	chuyển đổi IPv6 cho các hệ thống thông tin có tên miền travinh.gov.vn	Tư vấn, khảo sát chuyển đổi IPv6 cho các hệ thống thông tin có tên miền travinh.gov.vn	Trung tâm công nghệ thông tin - Sở TT&TT	Năm 2020	450	NS tỉnh (sự nghiệp)	450
10.	Xây dựng, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh phiên bản 2.0	Sở TT&TT	Công nghệ thông tin	Mới	Cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử 2.0		Các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Năm 2020	490	NS tỉnh (sự nghiệp)	490
11.	Đề án tổng thể Ứng dụng và phát triển hệ thống công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và	Sở TN&MT	Công nghệ thông tin	Dự án mới	Đưa ra các giải pháp về kỹ thuật, các lộ trình ứng dụng phát triển hệ thống thông tin công nghệ thông tin về lĩnh vực tài			Năm 2020		Sự nghiệp TNMT	210

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Quy mô nội dung đầu tư	Phạm vi đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn	Kinh phí đầu tư năm 2020 (triệu đồng)
	môi trường tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020-2015 (lập đề cương)				nguyên và môi trường 2020-2025						



PHỤ LỤC 04

Báo cáo kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

STT	Tên hệ thống, phần mềm	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu	Nội dung	Phạm vi đầu tư	Lộ trình triển khai	Kết quả đạt được	Hiện trạng kết nối, chia sẻ thông tin trong ngành mình và các Bộ, ngành liên quan khác	Khó khăn	Đề xuất
1	Quản lý ngân sách dự án đầu tư	Sở Tài chính	Tài chính đầu tư	Có thể theo dõi được chi tiết tới từng dự án, biết được tiến độ thực hiện dự án; tiết kiệm thời gian nhập liệu, dễ dàng tìm kiếm tra cứu thông tin một cách nhanh chóng, chính xác và đáp ứng đầy đủ các báo cáo theo đúng quy định.		Sở Tài chính; các sở, ban, ngành tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ban quản lý dự án các huyện, thị xã, thành phố.	2018 - 2019	Triển khai cho 30 đơn vị thực hiện		Do chưa có văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền hướng dẫn triển khai thực hiện nên các đơn vị triển khai nhập liệu còn chậm, chưa đầy đủ	
2	Phần mềm quản lý cấp phát thẻ BHYT	Sở Tài chính	Quản lý ngân sách	Nhằm đảm bảo tính thống nhất, tích hợp ứng dụng dùng chung toàn tỉnh; nâng cao tính hiệu quả, tạo sự đồng bộ và gắn kết cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị sử dụng với cơ	Thực hiện Công văn số 1825/UB ND-CNXD ngày 17/5/2019 của UBND	Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, UBND cấp xã, Sở Giáo dục và		Đã hoàn thành việc triển khai tại Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, UBND cấp xã,			

STT	Tên hệ thống, phần mềm	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu	Nội dung	Phạm vi đầu tư	Lộ trình triển khai	Kết quả đạt được	Hiện trạng kết nối, chia sẻ thông tin trong ngành mình và các Bộ, ngành liên quan khác	Khó khăn	Đề xuất
				quan tài chính	tình về việc chủ trương trang bị các phần mềm quản lý dùng chung trên địa bàn tỉnh	đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các khối trường THPT, THCS, Tiểu học		Sở Giáo dục và đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các khối trường THPT. Năm 2020 tiếp tục triển khai khối THCS và Tiểu học			
3	Phần mềm thẩm định quyết toán ngân sách theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC	Sở Tài chính				Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo		Hoàn thành 100% đưa vào sử dụng			
4	Phần mềm Quản lý chế độ, chính sách	Sở Tài chính				Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội,		Đã hoàn thành việc triển khai tại Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Phòng			

STT	Tên hệ thống, phần mềm	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu	Nội dung	Phạm vi đầu tư	Lộ trình triển khai	Kết quả đạt được	Hiện trạng kết nối, chia sẻ thông tin trong ngành mình và các Bộ, ngành liên quan khác	Khó khăn	Đề xuất
						Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã, Khóit Trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non		Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã, khối trường THPT, THCS. Năm 2020 tiếp tục triển khai khối trường Tiểu học, Mầm non			
5	Hệ thống báo cáo thống kê trực tuyến ngành nông nghiệp và PTNT	Sở NN&PTNT		Tạo sự thống nhất chung về biểu mẫu báo cáo, thời gian chốt số liệu và thời gian báo cáo	Tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản, sâu dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thiệt hại (nếu có)	Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Từ 2011 đến nay	Hiệu quả hơn báo cáo theo kiểu truyền thống; tiết kiệm chi phí, thời gian.	Không		
6	Ứng dụng phần mềm dự tính dự báo PPDMS (sâu bệnh trên cây trồng)	Sở NN&PTNT		Nắm tình hình sâu bệnh hàng tuần, làm cơ sở cho công tác dự tính dự báo	Thống kê diện tích, mật số, tỷ lệ sâu, bệnh trên	Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Từ năm 2018 đến nay	Nắm bắt nhanh tình hình sâu bệnh hàng tuần/huyện/tỉnh	Không	Chi cập nhật được số liệu sâu bệnh tới huyện, tỉnh;	Cần cập nhật được số

STT	Tên hệ thống, phần mềm	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu	Nội dung	Phạm vi đầu tư	Lộ trình triển khai	Kết quả đạt được	Hiện trạng kết nối, chia sẻ thông tin trong ngành mình và các Bộ, ngành liên quan khác	Khó khăn	Đề xuất
					từng loại cây trồng của từng huyện, tỉnh					chưa cập nhật được số liệu sâu bệnh của từng xã	liệu sâu bệnh/ cây trồng của từng xã.
7	VNFISHBASE	Sở NN&PTN T		Cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản	Nhằm cập nhật và chia sẻ: Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản; Cơ sở dữ liệu về khai thác thủy sản; Cơ sở dữ liệu về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;	Cả nước	Năm 2019 và các năm tiếp theo	Hệ thống giúp khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản được nhanh chóng, hiệu quả	Có		
8	Bản đồ số hóa thủy lợi	Sở NN&PTN T		Quản lý các công trình thủy lợi trên bản đồ số	Cập nhật số liệu các công trình thủy lợi	Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Từ năm 2010 đến nay	Từng bước hoàn thiện bản đồ hiện trạng công trình thủy	Không		

STT	Tên hệ thống, phần mềm	Đơn vị chủ trì triển khai	Lĩnh vực ứng dụng	Mục tiêu	Nội dung	Phạm vi đầu tư	Lộ trình triển khai	Kết quả đạt được	Hiện trạng kết nối, chia sẻ thông tin trong ngành mình và các Bộ, ngành liên quan khác	Khó khăn	Đề xuất
					vào bản đồ để lưu trữ			lợi trên địa bàn tỉnh			